

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Quang	Công	3671031512	16/09/1989	,00	,00	,00	Nợ HP
2	Hồ Đức	Anh	3672050302	10/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
3	Trần Thái	Son	3672050314	19/05/1993	4,60	,80	1,90	
4	Đạt Huỳnh	Nghĩa	3771040770	23/10/1995	6,90	1,90	3,40	
5	Trần Văn	Khôi	3771040777	28/12/1995	8,80	7,20	7,70	
6	Kiều Đình	Dũng	3771040778	10/01/1994	7,60	1,70	3,50	
7	Phạm Hồng	Tâm	3771040789	15/03/1995	3,40			
8	Hán Văn	Truyền	3771040791	12/07/1995	10,00	6,00	7,20	
9	Đậu Văn	Chiến	3771040795	10/03/1995	1,50	1,80	1,70	
10	Lê Thành	Cảnh	3771040797	19/09/1995	7,50	2,80	4,20	
11	Nguyễn Trần Ngọc	Thiện	3771040811	30/01/1994	,00	,00	,00	CT
12	Lê Thị Kiều	Ngọc	3771040829	01/08/1995	4,40	,50	1,70	
13	Hồ Thanh	Liêm	3771040844	10/11/1994	5,20	1,50	2,60	
14	Lê Nguyễn Đức	Hưng	3771040847	19/05/1995	,00	,00	,00	CT
15	Huỳnh Minh	Tân	3771040850	21/11/1995	6,90	4,10	4,90	
16	La Quang	Tuấn	3771040856	29/05/1995	9,70	7,20	8,00	
17	Hồ Văn	Tân	3771040859	13/11/1994	10,00	6,00	7,20	
18	Nguyễn Quốc	Khánh	3771040861	09/04/1994	6,20	4,20	4,80	
19	Nguyễn Hoàng	Diễm	3771040865	20/07/1995	5,20	5,10	5,10	
20	Nguyễn Thanh	Bình	3771040872	25/09/1995	8,40	4,80	5,90	
21	Ngô Trung	Việt	3771040876	18/09/1993	1,30	,00	,40	
22	Huỳnh Văn	Hòa	3771040892	14/02/1995	2,60	,50	1,10	
23	Nguyễn Hồng	Sang	3771040894	01/09/1995	9,00	4,70	6,00	
24	Ninh Văn	Tuấn	3771040901	15/05/1994	7,20	2,80	4,10	
25	Trần Thành	Nam	3771040925	25/11/1994	9,20	4,70	6,10	
26	Triệu Văn	Hậu	3771041003	12/12/1994	7,80	7,80	7,80	
27	Nguyễn Đăng	Phú	3771041008	30/10/1993	,00	,00	,00	CT
28	Trần Huỳnh Thanh	Tâm	3771041009	17/08/1995	5,00	3,70	4,10	
29	Phan Hữu	Phước	3771041013	14/07/1995	,00	,00	,00	CT
30	Phạm Thành	Duy	3771041014	22/03/1995	7,00	1,60	3,20	
31	Nguyễn Chí	Trung	3771041024	25/04/1994	4,20	4,20	4,20	
32	Phạm Thành	Đạt	3771041026	02/06/1995	5,40	,80	2,20	
33	Bùi Di	Thức	3771041034	05/01/1993	,00	,00	,00	CT
34	Trịnh Chí	Linh	3771041036	14/06/1995	6,20	2,00	3,30	
35	Võ Quốc	Đạt	3771041040	23/10/1994	1,50	1,20	1,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phan Khắc	Huy	3771041049	29/09/1995	4,50	4,30	4,40	
37	Bùi Đình	Long	3771041056	15/08/1995	,00			
38	Phạm Hoàng	Thiện	3771041059	06/11/1995	,00	,00	,00	CT
39	Lê Minh	Nhật	3771041097	15/04/1995	4,00	3,60	3,70	
40	Nguyễn Hồng	Thạch	3771041104	25/09/1995	6,20	4,50	5,00	
41	Phạm Minh	Trung	3771041115	30/04/1995	7,60	5,30	6,00	
42	Võ Thanh	Mạnh	3771041138	24/04/1995	6,50	5,00	5,50	
43	Trịnh Văn	Nhân	3771041155	06/01/1995	4,50	2,10	2,80	
44	Trần Quốc	Đạt	3771041214	08/02/1995	1,00	,30	,50	
45	Hồ Hoàng	Tuấn	3771041223	14/01/1995	4,40	2,20	2,90	
46	Nguyễn Khắc	Hùng	3771041237	05/08/1994	8,70	4,20	5,60	
47	Lương Bá	Quang	3771041256	01/08/1995	6,40	1,30	2,80	
48	Thái Đình	Khang	3771041264	10/05/1995	4,00	,40	1,50	
49	Lương Mạnh	Việt	3771041287	08/11/1995	,00	,00	,00	CT
50	Triệu Thị	Yến	3771041297	14/09/1995	6,10	2,00	3,20	
51	Hồ Sỹ	Huyền	3771041300	19/02/1994	2,10	4,10	3,50	
52	Đinh Bạt	Phú	3771041315	06/09/1995	5,60			
53	Trần Nhất	Trí	3771041320	04/02/1994	6,90	5,30	5,80	
54	Nguyễn Ngọc	Sanh	3771041359	21/02/1995	5,40	1,60	2,70	
55	Nguyễn Văn	Quang	3771041395	08/07/1992	1,30	,30	,60	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)